TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÒA BÌNH** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v: ly hôn, t/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH – TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nghiêm Hoài Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan** và bà **Ngô Thị Như Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Viết Tùng**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ước**– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 328/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1987.

- Bị đơn: anh **Dương Việt D**, sinh năm 1987.

Hiện cùng trú tại: tổ 02, phường D, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị quen biết và chung sống với anh Dương Việt D từ năm 2008 trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D cũ (số đăng ký 02/2018). Hai bên gia đình có tổ chức cưới xin theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở cùng

gia đình chồng tại xóm Đằm, xã D, nay là tổ 02, phường D, TP Hòa Bình. Thời gian đầu chung sống không có vấn đề gì song tới khoảng năm 2013 thì anh D vay mượn cá nhân, không trả được nên thường xuyên bỏ nhà đi trốn nợ, không rõ đi đâu, làm gì. Vợ chồng từ đó nảy sinh mâu thuẫn. Số nợ không nhiều và gia đình đã trả xong từ lâu. Anh D vẫn liên lạc, về nhà song chỉ thăm hỏi con cái, xin tiền, đòi được Ca đất mà không tu chí làm ăn, không quan tâm tới gia đình, con cái, không đóng góp kinh tế, để mặc chị một mình chăm nuôi con. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 tới nay. Chị và con ở tại căn nhà cấp IV xây trên đất của bố mẹ chồng; anh D ở đâu chị không rõ vì nhiều lần hỏi anh D không nói, cố tình giấu địa chỉ để gây khó khăn cho chị khi ly hôn. Chị đã nhiều lần có ý định làm đơn xin ly hôn song do con cái còn nhỏ, đang đi học nên chưa khởi kiện. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh D.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Trung H (sinh ngày 28/11/2008). Cháu H từ lâu do chị C chăm nuôi, anh D không quan tâm, không đóng góp gì nên khi ly hôn chị C xin được nuôi cháu H để cháu hoàn thành việc học tập. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Việt D đã nhiều lần được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc, cũng không có bất cứ văn bản nào nêu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Do anh D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chị C có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định để làm rõ các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị C được ly hôn anh D. Về con chung: giao cho chị C được nuôi cháu H khi ly hôn, việc cấp dưỡng tự thỏa thuận. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không đề cập giải quết. Nợ chung: không có. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình với anh Dương Việt D. Anh D có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và hiện không xác định được có nơi cư trú nào khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hòa Bình. Chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Do đó, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Dương Việt D kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D (nay là phường D, TP Hòa Bình. Số đăng ký 02/2008). Qúa trình chung sống, vợ chồng anh chị có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống xuất phát từ kinh tế và nuôi dạy con cái. Nguyên nhân do anh D tH sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ gia đình, vi phạm nghĩa vụ chung sống, bỏ mặc vợ con. Từ năm 2013 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Lời trình bày của chị C tại Tòa án phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án với gia đình anh D và với chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh D đã trầm trọng và không thể hàn gắn, tình nghĩa vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C.

[3] Về con chung và nuôi con chung khi ly hôn: Vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Trung H (sinh ngày 28/11/2008). Cháu H hiện đang ở cùng chị C, do chị C chăm sóc, nuôi dưỡng trong khi anh D thường xuyên không ở nhà, không đóng góp nuôi con; cháu H cũng có nguyện vọng được ở với chị C. Để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho cháu H, cần giao cháu H cho chị C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị C không đề cập nên Tòa không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự chưa có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Dương Việt D.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Dương Trung H (sinh ngày 28/11/2008). Khi ly hôn, giao cháu H cho chị C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại C cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình theo biên lai số 0000095 ngày 07/11/2023, nay được đối trừ và không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPHB;
- VKSND tỉnh HB;
- C cục THADS TPHB;
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh HB;
- UBND phường D (số 02/2008);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nghiêm Hoài Anh